

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 98/2020/HS-PT
Ngày 24 - 11 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Thành.

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Thái;

Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Hiệp, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Văn, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 102/2020/TLPT- HS ngày 12 tháng 8 năm 2020, đối với bị cáo Nguyễn Hồng H và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2020/HS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Hồng H (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 04 tháng 3 năm 1991 tại thị trấn G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Tổ dân phố X, thị trấn G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Nguyễn Hồng H và bà Nguyễn Thị V có vợ là Phùng Thị H và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án số 75/2008/HSST ngày 15 tháng 8 năm 2008 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên xử phạt Nguyễn Hồng H 27 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Ngày 12 tháng 12 năm 2009 H chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương. Tháng 8/2008, H đã chấp hành xong phần án phí.

- Tại Bản án số 59/2015/HSST ngày 13 tháng 8 năm 2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt Nguyễn Hồng H 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Ngày 17 tháng 3 năm 2016 H chấp hành xong án phạt tù trở về địa

phương. Tháng 10 năm 2015 Hưng đã chấp hành xong toàn bộ phần án phí và phạt bổ sung.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 16 tháng 10 năm 2019 đến ngày 24 tháng 10 năm 2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; (có mặt).

2. Nguyễn Văn T (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 08 tháng 4 năm 1994 tại xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 10/12; con ông Nguyễn Văn Trai và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Lưu Thanh B và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 16 tháng 10 năm 2019 đến ngày 24 tháng 10 năm 2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; (có mặt).

3. Nguyễn Văn M (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 18 tháng 01 năm 1998 tại xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; dân tộc: Sán Dìu; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 08/12; con ông Nguyễn Văn L và bà Lưu Thị L2; có vợ là Nguyễn Thị T và có 01 con; tiền án: Không; tiền sự: 01 tiền sự (Ngày 11 tháng 6 năm 2019, Nguyễn Văn M bị Công an huyện B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe người khác. Ngày 13 tháng 6 năm 2019, M chấp hành xong việc nộp phạt). Bị bắt tạm giữ từ ngày 16 tháng 10 năm 2019 đến ngày 24 tháng 10 năm 2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; (có mặt).

4. Bùi Anh Đ (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 15 tháng 3 năm 1993 tại xã C, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn C, xã C, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 12/12; con ông Bùi Vĩnh P và bà Đỗ Thúy Đ; có vợ là Phạm Khánh L và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; Hoạt động bản thân: Tháng 02 năm 2013, Bùi Anh Đ nhập ngũ, tham gia quân đội nhân dân Việt Nam tại Lữ đoàn 543, Quân khu 2 tại tỉnh Phú Thọ. Đến tháng 7 năm 2014 bị cáo hoàn thành nghĩa vụ quân sự, xuất ngũ trở về địa phương. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 16 tháng 10 năm 2019 đến ngày 24 tháng 10 năm 2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; (có mặt).

5. Nguyễn Trường S (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 20 tháng 10 năm 1990 tại xã Y, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: Thôn 9, xã Y, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 9/12; con ông Nguyễn Đức B và bà Mai Thị H; có vợ là Phan Thị H và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Hoạt động bản thân: Tháng 2 năm 2009, Nguyễn Trường S nhập ngũ, tham gia quân đội nhân dân Việt Nam tại tiểu đoàn 371, Bộ tư lệnh Pháo binh tại thành phố Hà Nội. Đến

tháng 7 năm 2010 S hoàn thành nghĩa vụ quân sự, xuất ngũ trở về địa phương. Bị bắt tạm giữ từ ngày 16 tháng 10 năm 2019 đến ngày 24 tháng 10 năm 2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; (có mặt).

6. Ma Văn L (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 09 tháng 7 năm 1997 tại xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Dân tộc: Tày; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 09/12; con ông Ma Văn V và bà Ông Thị H; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 17 tháng 10 năm 2019 đến ngày 24 tháng 10 năm 2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; (có mặt).

7. Bùi Hải N (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 23 tháng 10 năm 1992 tại xã C, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn Đ, xã C, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 12/12; con ông Bùi Hải Đ và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Nguyễn Thị L và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; Hoạt động bản thân: Tháng 9 năm 2011, Bùi Hải N nhập ngũ, tham gia quân đội nhân dân Việt Nam tại tiểu đoàn 5, Trung đoàn 148, Sư đoàn 316, Quân khu 2 tại tỉnh Tuyên Quang. Đến tháng 01 năm 2013 Nam hoàn thành nghĩa vụ quân sự, xuất ngũ trở về địa phương. Bị bắt tạm giữ từ ngày 16 tháng 10 năm 2019 đến ngày 24 tháng 10 năm 2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; (có mặt).

- Các bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị: Trần Quang N.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T: Bà Phan Thị Kim L – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trường S: Ông Nguyễn Đức L, Luật sư thuộc Công ty luật TNHH V và cộng sự, Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Ma Văn L: Bà Kim Hồng T – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 15 tháng 10 năm 2019, T gặp L tại công ty, T rủ L “tối có chương trình gì không” ý là rủ L đánh bạc thì L đồng ý. Đến khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày L gọi điện cho T hỏi có đánh bạc không để L ở lại thì T nói có và bảo L gọi điện cho H xem thế nào. Sau đó, T sử dụng điện thoại

nhắn tin cho H rủ H đánh bạc thì H đồng ý. H gọi điện rủ Nguyễn Trường S đánh bạc thì S đồng ý. Đến khoảng 20 giờ 00 phút cùng ngày sau khi hết giờ làm, T từ công ty về phòng trọ của mình ở thôn T, xã B, huyện B. Lúc này, L cũng gọi điện cho H hỏi có đánh bạc không thì H nói có và nói đang đi rút tiền. Đến khoảng 20 giờ 30 phút H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha biển kiểm soát 29X4-7264 đón S tại công ty Yong Pong để đi đánh bạc thì gặp Bùi Anh Đ. H rủ Đ đánh bạc thì Đ đồng ý. Đ nhắn tin cho N rủ đánh bạc thì N đồng ý. Sau đó, H điều khiển xe mô tô chở S và L, N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát 88H1-29445; Đ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha biển kiểm soát 88H1-18611 cùng đi đến nhà trọ của T. Lúc này, Nguyễn Văn M là bạn cùng xã với T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát 22B2 – 31.257 đến nhà trọ của T để hỏi về việc xin việc làm trong khu công nghiệp. T rủ M cùng đi đánh bạc thì M đồng ý. Sau đó, cả nhóm thống nhất đi đến nhà nghỉ Đ ở thôn T, xã B, huyện B để đánh bạc. H mua 01 bộ bài tú lơ khơ ở quán ven đường, sau đó tất cả đi đến nhà nghỉ Q của hộ gia đình chị Nguyễn Thị M và Trần Quang N ở thôn T, xã B, huyện B. H và S vào trước gặp Trần Quang N thuê phòng 404, còn T, S, N, Đ, L đến nhà nghỉ thuê phòng 403 và để lại 01 giấy phép lái xe số 260141002862 mang tên Nguyễn Văn T. Sau đó, H xuống quây lễ tân gặp và nói với Trần Quang N: *“Bọn em làm cùng công ty, anh cho bọn em đánh bài tú”* đồng thời bảo N sắp xếp cho 1 phòng khác rộng hơn và hứa sẽ trả tiền 3 phòng thì N đồng ý. Hưng cho N số điện thoại của mình và nói: *“có gì anh gọi vào số này”* ý là nhờ N cảnh giới. N sắp xếp cho H và nhóm đánh bạc sang phòng 402 của nhà nghỉ. N bảo cả nhóm: *“kéo rèm lại, nói nhỏ thôi”* để tránh bị phát hiện rồi đi xuống quây lễ tân. Tại phòng 402, H lấy ra 01 bộ bài tú lơ khơ, cả nhóm thống nhất chơi *“Liêng”* ăn tiền. Hình thức chơi và mức chơi như sau: sử dụng 52 quân bài tú lơ khơ, mỗi ván, mỗi người chơi được chia 03 quân bài, người chơi được đặt cược thấp nhất 20.000 đồng/1 ván bài và tổ cao nhất không quá 200.000 đồng/1 ván bài. Ai cao điểm nhất thì thắng. Cả nhóm ngồi quây tròn dưới nền phòng nghỉ. L ngồi trên giường, ké cửa mượn bài của T để so bài, đánh cược với H và S. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày thì L có việc nên về trước. Những người còn lại đánh bạc liên tục đến khoảng 01 giờ ngày 16 tháng 10 năm 2019 thì Công an huyện B đến kiểm tra. Trần Quang N gọi điện cho H nói: *“nghỉ đi”*. H hiểu là có Công an đến kiểm tra nên ngay sau đó, H thông báo với cả nhóm không chơi bạc nữa, thu toàn bộ bài tú lơ khơ vào túi nilon màu đen rồi cất giấu tại vách trần nhà vệ sinh ở trong phòng 402. T, H, Đ, S, N, M cất giấu toàn bộ số tiền đánh bạc vào quần áo đang mặc trên người rồi lên giường ngồi để tránh bị phát hiện. Khi Công an huyện B đến kiểm tra phòng H, T, M, Đ, S, N đã khai nhận toàn bộ hành vi đánh bạc của mình. Cơ quan điều

tra – Công an huyện B đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ toàn bộ vật chứng gồm: Thu tại vách trần nhà vệ sinh phòng 402 nhà nghỉ Q 01 túi nylon màu đen bên trong có 52 quân bài tú lơ khơ.

Thu trên người Nguyễn Trường S số tiền 1.270.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Huawei Y9 Prime 2019 màu xanh, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 màu vàng.

Thu trên người Nguyễn Văn T số tiền 3.620.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đỏ đen.

Thu trên người Nguyễn Anh Đ số tiền 1.000.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6.

Thu trên người Nguyễn Văn M số tiền 90.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5s màu trắng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Huawei màu đen.

Thu trên người Bùi Hải N số tiền 1.660.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7Plus màu đen.

Thu trên người Nguyễn Hồng H số tiền 650.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus.

Thu trên người Trần Quang N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo 1611 màu trắng.

Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn tạm giữ 01 đầu thu camera nhãn hiệu Global, 01 giấy phép lái xe số 260141002862 mang tên Nguyễn Văn T do Trần Quang N giao nộp; tạm giữ 04 xe mô tô, gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter biển kiểm soát 29X4-7264 của Nguyễn Hồng H; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát 88H1-186.11 của Bùi Anh Đ; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade biển kiểm soát 88H1-294.45 của Bùi Hải N; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX biển kiểm soát 22B2 – 312.57 của Nguyễn Văn M.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019, Ma Văn L đã đến Cơ quan điều tra – Công an huyện B để đầu thú về hành vi phạm tội của mình. Cơ quan điều tra đã tạm giữ của Ma Văn L: số tiền 1.300.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone đã cũ.

Quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận: Khi tham gia đánh bạc, Nguyễn Văn T có khoảng 860.000 đồng, Nguyễn Trường S có khoảng 2.000.000 đồng, Nguyễn Văn M có 590.000 đồng, Nguyễn Hồng H có khoảng 3.000.000 đồng, Bùi Anh Đ có khoảng 1.900.000 đồng, Bùi Hải N có 360.000 đồng (trong đó vay của Đức 300.000 đồng khi bắt đầu đánh bạc), Ma Văn L có 1.000.000 đồng, sử dụng toàn bộ vào mục đích đánh bạc, tổng là 9.410.000 đồng. Tổng số tiền thu giữ tại chiếu bạc là 9.590.000 đồng, các bị cáo khai nhận đều dùng số trên vào mục đích đánh bạc.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2020/HS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Hồng H, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn M, Nguyễn Trường S, Bùi Anh Đ, Ma Văn L, Bùi Hải N, Trần Quang N phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng H 01 (Một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ thời gian đã tạm giữ bị cáo từ ngày 16 tháng 10 năm 2019 đến ngày 24 tháng 10 năm 2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ thời gian đã tạm giữ bị cáo từ ngày 16 tháng 10 năm 2019 đến ngày 24 tháng 10 năm 2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ thời gian đã tạm giữ bị cáo từ ngày 16 tháng 10 năm 2019 đến ngày 24 tháng 10 năm 2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Bị cáo Bùi Anh Đ 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ thời gian đã tạm giữ bị cáo từ ngày 16 tháng 10 năm 2019 đến ngày 24 tháng 10 năm 2019.

- Bị cáo Nguyễn Trường S 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ thời gian đã tạm giữ bị cáo từ ngày 16 tháng 10 năm 2019 đến ngày 24 tháng 10 năm 2019.

- Bị cáo Ma Văn L 08 (Tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ thời gian đã tạm giữ bị cáo từ ngày 17 tháng 10 năm 2019 đến ngày 24 tháng 10 năm 2019.

- Bị cáo Bùi Hải N 08 (Tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ thời gian đã tạm giữ bị cáo từ ngày 16 tháng 10 năm 2019 đến ngày 24 tháng 10 năm 2019.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Trần Quang N 07 (Bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng; quyết định phạt bổ sung đối với các bị cáo, án phí, xử lý vật chứng, tài sản bị thu giữ, tuyên quyền kháng cáo của bị cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/5/2020 bị cáo Nguyễn Hồng H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Ngày 26/5/2020 bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn M, Ma Văn L kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 22/5/2020 bị cáo Bùi Anh Đ kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 27/5/2020 bị cáo Nguyễn Trường S kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 25/5/2020 bị cáo Bùi Hải N kháng cáo xin hưởng án treo

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đ, S, L, N sửa bản án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng H 01 (Một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ thời gian đã tạm giữ bị cáo từ ngày 16 tháng 10 năm 2019 đến ngày 24 tháng 10 năm 2019.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ thời gian đã tạm giữ bị cáo từ ngày 16 tháng 10 năm 2019 đến ngày 24 tháng 10 năm 2019.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ thời gian đã tạm giữ bị cáo từ ngày 16 tháng 10 năm 2019 đến ngày 24 tháng 10 năm 2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Bị cáo Bùi Anh Đ 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Trường S 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Bị cáo Ma Văn L 08 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 04 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Bị cáo Bùi Hải N 08 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 04 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên không đề nghị xem xét.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T trình bày bào chữa:*

Tuy bị cáo là người rủ rê, khởi xướng việc đánh bạc nhưng không phải chủ mưu vụ án, số tiền đánh bạc gần ít nhất. Bị cáo lần đầu phạm tội có nơi cư trú ổn định, là lao động chính nuôi con nhỏ. Hoàn cảnh khó khăn, thuộc hộ cận nghèo. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm mức hình phạt tù xuống còn 6-8 tháng và cho bị cáo được hưởng án treo. Không áp dụng hình phạt bổ sung và cho bị cáo miễn án phí.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trường S trình bày bào chữa:*

Đồng tình với đề xuất của đại diện Viện Kiểm sát. Bị cáo Sơn có nhiều tình tiết giảm nhẹ, vợ bị bệnh về mạch máu não thỉnh thoảng phải điều trị ở Viện 108 Hà Nội, bị cáo chấp hành tốt pháp luật và được địa phương xác nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có cơ hội tiếp tục làm việc, lao động nuôi vợ bệnh tật và con nhỏ.

- *Người bào chữa cho bị cáo Ma Văn L trình bày:*

Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng sâu, vùng xa nhận thức hạn chế, hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính, có nơi cư trú rõ ràng (có đơn xác nhận của chính quyền xã). Bị cáo tham gia đánh bạc với thời gian ít (đang đánh thì về trước), hôm sau ra đầu thú cơ quan điều tra, tỏ rõ sự ăn năn hối cải, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

N H Ậ N Đ Ị N H C Ủ A T Ò A Á N :

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm. Bà Phan Thị Kim L (người bào chữa cho bị cáo T) có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi bản luận cứ bào chữa đối với bị cáo T cho Hội đồng xét xử, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Phan Thị Kim Liên.

[2] Qua xét xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung của bản án sơ thẩm. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 15 tháng 10 năm 2019, tại phòng 402 nhà nghỉ Q ở thôn Thống Nhất, xã B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, được sự đồng ý giúp sức cảnh giới của bị cáo Trần Quang N, các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Hồng H, Nguyễn Trường S, Bùi Anh Đ, Ma Văn L, Bùi Hải N, Nguyễn Văn M, cùng nhau đánh bài ăn tiền bằng hình thức chơi “Liêng”. Trong lúc đang đánh bạc thì Long về trước, các bị cáo còn lại đánh bạc đến khoảng 01 giờ 00 phút ngày 16 tháng 10 năm

2019 thì bị Công an huyện B kiểm tra và thu giữ số tiền sử dụng đánh bạc 9.590.000 đồng và toàn bộ vật chứng. Các bị cáo đều thừa nhận về hành vi đánh bạc của mình. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là không oan sai.

[3] Xét kháng cáo về việc xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Hồng H thì thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét nhân thân, vai trò, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng một tình tiết giảm nhẹ qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo tích cực rủ rê lôi kéo các con bạc khác đánh liêng ăn tiền, đồng thời chuẩn bị công cụ, phương tiện và trực tiếp tham gia đánh bạc với số tiền là 680.000 đồng. Bản thân bị cáo năm 2008 đã từng bị kết án về tội “Cướp giật tài sản” và năm 2016 bị kết án về tội “Đánh bạc”. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo 01 năm tù giam là phù hợp, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[4] Xét kháng cáo về việc xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn M thì thấy:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét nhân thân, vai trò, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm i, s khoản 1 (thêm khoản 2 đối với Tuyên) Điều 51 Bộ luật hình sự cho Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn M và xử phạt mỗi bị cáo 09 tháng tù là phù hợp vì Nguyễn Văn T là người giữ vai trò đồng phạm, khởi xướng, rủ rê lôi kéo các con bạc khác đánh liêng ăn tiền, trực tiếp tham gia đánh bạc; Nguyễn Văn M là người giữ vai trò đồng phạm, trực tiếp tham gia đánh bạc. Bản thân bị cáo Mạnh có 01 tiền sự, tháng 6 năm 2019 đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe của người khác. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo M, T hình phạt tù giam là phù hợp, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đối với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo T: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm mức hình phạt tù xuống còn 6-8 tháng và cho bị cáo được hưởng án treo, không áp dụng hình phạt bổ sung và cho bị cáo miễn án phí là không có cơ sở để chấp nhận bởi bị cáo không kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, không kháng cáo về phần hình phạt bổ sung và án phí, hơn nữa Tòa án cấp sơ thẩm phán quyết về các vấn đề này đối với Tuyên là thỏa đáng.

[5] Xét kháng cáo về việc xin hưởng án treo của bị cáo Bùi Anh Đ, Nguyễn Trường S, Ma Văn L, Bùi Hải N thì thấy:

Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho các bị cáo là phù hợp vì các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo,

ăn năn hối cải; Bùi Anh Đ, Nguyễn Trường S, Bùi Hải N có thời gian tham gia quân ngũ phục vụ tổ quốc, còn Ma Văn L sau khi phạm tội đã ra đầu thú. Các bị cáo này tham gia đánh bạc với vai trò đồng phạm thứ yếu, bị cáo Long là người dân tộc thiểu số nhận thức hạn chế và thời gian tham gia đánh bạc ít (đang đánh bạc thì về trước). Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Bùi Anh Đ, Nguyễn Trường S, Ma Văn L, Bùi Hải N nộp đơn có xác nhận của chính quyền địa phương thể hiện các bị cáo có nơi cư trú ổn định, trước khi phạm tội chấp hành tốt pháp luật tại địa phương. Hình phạt tù của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo có phần quá nghiêm khắc, nay xét cho các bị cáo này hưởng lượng khoan hồng của Nhà nước cho các bị cáo hưởng án treo có sự giám sát của chính quyền địa phương nơi cư trú cũng đủ giúp các bị cáo thành người có ích cho xã hội, không ảnh hưởng đến công cuộc phòng chống tội phạm xã hội.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của các bị cáo H, T, M không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Kháng cáo của các bị cáo Đ, S, L, N được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hồng H, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn M. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 41/2020/HS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc về phần hình phạt chính đối với các bị cáo Nguyễn Hồng H, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn M.

1.1. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng H 01 (một) năm tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ thời gian đã tạm giữ bị cáo từ ngày 16 tháng 10 năm 2019 đến ngày 24 tháng 10 năm 2019.

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ thời gian đã tạm giữ bị cáo từ ngày 16 tháng 10 năm 2019 đến ngày 24 tháng 10 năm 2019.

1.3. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ thời gian đã tạm giữ bị cáo từ ngày 16 tháng 10 năm 2019 đến ngày 24 tháng 10 năm 2019.

2. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Bùi Anh Đ, Nguyễn Trường S, Ma Văn L, Bùi Hải N. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 41/2020/HS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc về phần hình phạt chính đối với các bị cáo Bùi Anh Đ, Nguyễn Trường S, Ma Văn L và Bùi Hải N.

2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt:

2.1.1. Bị cáo Bùi Anh Đ 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc” cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

2.1.2. Bị cáo Nguyễn Trường S 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc” cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

2.1.3. Bị cáo Ma Văn L 08 (tám) tháng tù về tội “Đánh bạc” cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

2.1.4. Bị cáo Bùi Hải N 08 (tám) tháng tù về tội “Đánh bạc” cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

3. Giao các bị cáo Bùi Anh Đ và Bùi Hải N cho Ủy ban nhân dân xã C, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Giao bị cáo Nguyễn Trường S cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Giao bị cáo Ma Văn L cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về án phí phúc thẩm: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ

phí Tòa án: Các bị cáo Nguyễn Hồng H, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn M mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo Bùi Anh Đ, Nguyễn Trường S, Ma Văn L và Bùi Hải N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện B;
- VKSND huyện B;
- Công an huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã C, TP.P;
- UBND xã Y, H.Đ;
- UBND xã H, H.S;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vĩnh Thành

C Á C T H Ầ M
P H Á N

T H Ầ M P H Á N -
C H Ủ T Ọ A P H I Ê N
T Ò A

T r ầ n V ă n T h á i
N g u y ễ n T h ị T h u
H à

N g u y ễ n V ĩ n h T h à n h